

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày: 29 - 4 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng

tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Trụ sở: 41 và D L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Tường V, sinh năm 2002. Địa chỉ: D T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Bị đơn:** Anh Ngô Văn N, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Lê Thị Tường V, bà Nguyễn Thị T1 có mặt; anh Ngô Văn N, chị Nguyễn Thị Mai T và ông Ngô Văn D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 10/3/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P với anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0020/2021/HĐTD-OCB-CN để cấp tín dụng cho anh N và chị T với số tiền 600.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho anh N và chị T vay số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay là 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Tiêu dùng. Lãi suất cho vay: 10,5%/năm, được áp dụng cố định trong 03 tháng đầu, sau 03 tháng đầu lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ: trả gốc lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15. Ngân hàng đã giao đủ số tiền vay cho anh N và chị T theo Giấy nhận nợ ngày 11/3/2021.

Ngoài ra, giữa Ngân hàng và anh N còn ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CIF 2472745 ngày 14/10/2021 với hạn mức cấp thẻ là 30.000.000 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên, giữa Ngân hàng với ông D và bà T1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0020/2021/BĐ ngày 10/3/2021 công chứng được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V. Nội dung hợp đồng thế chấp, ông D và bà T1 dùng tài sản để bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 149, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.437,6m² tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 843799 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 03/02/2021; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 150, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.387,9m² tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 843800 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 03/02/2021; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 152, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.956,7m² tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 347010 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 26/02/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh N và chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ 15/02/2024.

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2024, Ngân hàng yêu cầu anh N và chị T thanh toán tiền nợ tạm tính đến ngày 14/10/2024: 421.078.695 đồng, trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0020/2021/HĐTD-OCB-CN là 398.828.810 đồng, gồm: Nợ gốc là 394.872.758 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.956.052 đồng.

- Khoản nợ Thẻ tín dụng là 22.249.885 đồng, gồm: Nợ gốc là 18.900.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.349.885 đồng.

Tuy nhiên, sau khi nộp đơn khởi kiện, anh N và chị T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 38.970.027 đồng. Cụ thể: Theo hợp đồng tín dụng với số tiền gốc là 19.872.758 đồng, lãi là 16.053.993 đồng; theo Thẻ tín dụng nợ lãi là 3.043.276 đồng. Do đó, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.970.027 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh N và chị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2025 là 424.545.992 đồng, trong đó:

Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng 0020/2021/HĐTD-OCB-CN là 391.653.507 đồng (gồm nợ gốc 375.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.984.959 đồng, nợ lãi quá hạn 668.548 đồng).

Khoản nợ theo thẻ tín dụng là 32.892.485 đồng (gồm nợ gốc 18.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.992.485 đồng).

Và anh N và chị T phải thanh toán lãi phát sinh từ sau ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp anh N và chị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm thu hồi nợ.

Bị đơn anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N và chị T không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh N và chị T trả nợ thì bà không có ý kiến do bà không có trực tiếp ký kết hợp đồng vay. Tuy nhiên, anh N và chị T là con nên bà yêu cầu Ngân hàng cho anh N và chị T được trả dần. Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay thì bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật do bà cùng chồng bà là ông D đã ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay của anh N và chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D chưa thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền 38.970.027 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh N và chị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 424.545.992 đồng, trong đó: Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng 0020/2021/HĐTD-OCB-CN là 391.653.507 đồng (gồm nợ gốc 375.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.984.959 đồng, nợ lãi quá hạn 668.548 đồng). Khoản nợ theo thẻ tín dụng là 32.892.485 đồng (gồm nợ gốc 18.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.992.485 đồng); đồng thời anh N và chị T phải thanh toán lãi phát sinh từ sau ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp anh N và chị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm thu hồi nợ. Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện yêu cầu anh N và chị T thanh toán tiền nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, anh N và chị T cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập anh N, chị T và ông D hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Nhưng anh N, chị T và ông D vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T và ông D.

[3] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập anh N, chị T và ông D tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh N, chị T và ông D không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.970.027 đồng, trong đó nợ gốc là 19.872.758 đồng, nợ lãi là 19.097.269 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu anh N và chị T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 424.545.992 đồng và tiền lãi từ sau ngày 29/4/2025:

[5.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cung cấp Hợp đồng tín dụng số 0020/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 10/3/2021; Khế ước nhận nợ ngày 11/3/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CIF 2472745 ngày 14/10/2021. Ngân hàng xác định, anh N và chị T vay của Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền trên vào ngày 11/3/2021; đồng thời Ngân hàng cấp thẻ tín dụng 30.000.000 đồng. Sau khi vay, phía anh N và chị T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã tiến hành đôn đốc, làm việc yêu cầu trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh N và chị T có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và được Ngân hàng giải ngân số tiền 600.000.000 đồng từ hợp đồng tín dụng và 30.000.000 đồng từ cấp thẻ tín dụng.

[5.2] Theo nội dung hợp đồng tín dụng ngày 10/3/2021 thể hiện anh N và chị T vay số tiền 600.000.000 đồng, Mục đích vay: Tiêu dùng. Lãi suất cho vay: 10,5%/năm, được áp dụng cố định trong 03 tháng đầu, sau 03 tháng đầu lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ: trả gốc lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15. Đồng thời, giữa Ngân hàng và anh N (thông tin trong hợp đồng đã kết hôn với chị Nguyễn Thị Mai T) còn ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CIF 2472745 ngày 14/10/2021 với hạn mức cấp thẻ là 30.000.000 đồng. Do anh N và chị T không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh N và chị T trả số tiền tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 424.545.992 đồng, trong đó:

Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng 0020/2021/HĐTD-OCB-CN là 391.653.507 đồng (gồm nợ gốc 375.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.984.959 đồng, nợ lãi quá hạn 668.548 đồng). Khoản nợ theo thẻ tín dụng là 32.892.485 đồng (gồm nợ gốc 18.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.992.485 đồng) và tiền lãi từ sau ngày 29/4/2025 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[6] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 149, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.437,6m² tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 843799 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 03/02/2021; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 150, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.387,9m² tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 843800 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 03/02/2021; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 152, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.956,7m² tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số CY 347010 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 26/02/2021, xét thấy:

[6.1] Hợp đồng thế chấp 0020/2021/BĐ ngày 10/3/2021 giữa Ngân hàng với ông D và bà T1 được các bên ký kết được công chứng, đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V ngày 10/3/2021. Nội dung hợp đồng thế chấp là ông D và bà T1 dùng tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng từ khoảng thời gian từ ngày 10/3/2021 đến ngày 10/3/2026.

[6.2] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 22/01/2025 và Bản vẽ phân đất thế chấp ngày 03/2/2025 của Trung tâm K thì phần đất có vị trí, số đo như sau:

* Phần đất tranh chấp thứ nhất:

- Hướng Đông giáp thửa 151, 148 có số đo 25,73m, 7,81m, 15,64m, 23,07m.

- Hướng Tây giáp thửa 150 có số đo 51,93m.

- Hướng Nam giáp thửa 152 có số đo 5,73m, 9,05m, 22,99m, 17,00m, 6,34m.

- Hướng Bắc giáp thửa 137 có số đo 33,61m.

Diện tích 2.437,3m² thuộc thửa 149, tờ số 21.

Hiện trạng trên đất: Có một số cây trồng trên đất như cây dâu, dừa.

* Phần đất tranh chấp thứ hai:

- Hướng Đông giáp thửa 149 có số đo 51,93m.

- Hướng Tây giáp kênh có số đo 14,05m, 29,50m.

- Hướng Nam giáp thửa 152 có số đo 50,64m.

- Hướng Bắc giáp thửa 137, 138, 139 có số đo 27,62m, 34,15m, 21,61m.

Diện tích: 3.513,9m² thuộc thửa 150, tờ số 21.

Hiện trạng trên đất: Có một số cây trồng trên đất như cây dâu, dừa.

* Phần đất tranh chấp thứ ba:

- Hướng Đông giáp thửa 151 có số đo 37,30m.

- Hướng Tây giáp thửa 150 có số đo 50,64m.

- Hướng Nam giáp kênh 7,05m, 34,57m, 12,47m, 26,13m, 17,57m, 10,87m.

- Hướng Bắc giáp thửa 149 có số đo 5,73m, 9,05m, 22,99m, 17,00m, 6,34m.

Diện tích: 3.101,2m² thửa 152, tờ số 21.

Hiện trạng trên đất: 01 căn nhà chính diện tích (5,2m x 13,2m) + (7,6m x 6,8m) có kết cấu móng khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, mái tole thiếc; 01 căn nhà tạm diện tích 6,5m x 8,8m có kết cấu cột gỗ địa phương, vách thiếc + tole xi măng, nền xi măng, mái tole thiếc; 01 mái che diện

tích 2,8m x 13,2m có kết cấu khung sườn sắt, nền xi măng, mái tole thiếc; 01 bàn thờ ông T2 xây gạch, 01 nền xi măng 2m x 7m. Ngoài ra, còn một số cây trồng trên đất như dừa, mít, chuối, tre.

Các tài sản trên đất là của ông Ngô Văn D và bà Nguyễn Thị T1 xây cất và trồng.

[6.3] Xét thấy, Hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết, được công chứng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp thể hiện: Toàn bộ hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại mục [6.2].

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 24.380.212 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P được chấp nhận nên anh N và chị T phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nộp xong và chi hết. Anh N và chị T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 24.380.212 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P được chấp nhận nên anh N và chị T phải chịu 20.981.840 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí. H lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng đã nộp.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 96; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P về việc yêu cầu anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T thanh toán số tiền 38.970.027 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 19.872.758 đồng (mười chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), nợ lãi là 19.097.269 đồng (mười chín triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T về việc thanh toán tiền vay còn nợ.

3. Buộc anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tổng số tiền 424.545.992 đồng (bốn trăm hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), trong đó:

Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng 0020/2021/HĐTD-OCB-CN là 391.653.507 đồng (ba trăm chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm lẻ bảy đồng) (gồm nợ gốc 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 15.984.959 đồng (mười lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 668.548 đồng (sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng)).

Khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CIF 2472745 là 32.892.485 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) (gồm nợ gốc 18.900.000 đồng (mười tám triệu chín trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 13.992.485 đồng (mười ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng)).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2025), anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo mức lãi suất được quy định theo hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì lãi suất mà anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

5. Trường hợp anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là:

5.1. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với diện tích 2.437,3m² thuộc thửa 149, tờ số 21, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 151, 148 có số đo 25,73m, 7,81m, 15,64m, 23,07m.

- Hướng Tây giáp thửa 150 có số đo 51,93m.
- Hướng Nam giáp thửa 152 có số đo 5,73m, 9,05m, 22,99m, 17,00m, 6,34m.
- Hướng Bắc giáp thửa 137 có số đo 33,61m.

5.2. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với diện tích 3.513,9m² thuộc thửa 150, tờ số 21, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 149 có số đo 51,93m.
- Hướng Tây giáp kênh có số đo 14,05m, 29,50m.
- Hướng Nam giáp thửa 152 có số đo 50,64m.
- Hướng Bắc giáp thửa 137, 138, 139 có số đo 27,62m, 34,15m, 21,61m.

5.3. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với diện tích 3.101,2m² thửa 152, tờ số 21, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 151 có số đo 37,30m.
- Hướng Tây giáp thửa 150 có số đo 50,64m.
- Hướng Nam giáp kênh 7,05m, 34,57m, 12,47m, 26,13m, 17,57m, 10,87m.
- Hướng Bắc giáp thửa 149 có số đo 5,73m, 9,05m, 22,99m, 17,00m, 6,34m.

(Bản vẽ ngày 03/02/2025 của Trung tâm K thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B là một phần của bản án này).

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 24.380.212 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn hai trăm mười hai đồng). Buộc anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 24.380.212 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn hai trăm mười hai đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị Mai T phải nộp số tiền 20.981.840 đồng (hai mươi triệu chín trăm tám mươi một nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nộp số tiền 10.421.573 đồng (mười triệu bốn trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004415 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh